

Số: 118/TMBG-VDDHà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2025**THƯ MỜI BÁO GIÁ**
Về việc cung cấp báo giá gói “Mua hóa chất, vật tư tiêu hao”

Kính gửi: Quý Công ty, Đơn vị cung cấp gói mua hóa chất, vật tư tiêu hao
Viện Dinh dưỡng xin thông báo đến Quý Công ty có đủ điều kiện và năng lực tham gia báo giá gói mua hóa chất, vật tư tiêu hao.

Mục đích báo giá: Làm cơ sở để lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa dịch vụ đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và giá phù hợp.

Danh mục hàng hóa/Dịch vụ báo giá: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Hình thức báo giá: 01 bản cứng và bản mềm scan PDF (Đã đóng dấu và gửi qua Email).

Thời gian gửi báo giá: Trước 14h giờ Ngày 16 tháng 05 năm 2025

Địa điểm giao hàng: Viện Dinh dưỡng 48B Tầng Bạt Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm giá hàng hóa/dịch vụ và thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển... theo quy định của pháp luật, Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm. Báo giá ghi rõ thời gian đảm bảo cung cấp hàng hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật. Báo giá bằng tiền đồng Việt Nam.

Thông tin xin gửi về: Phòng Vật tư - Quản trị, Viện Dinh dưỡng.

Địa chỉ: 48B Tầng Bạt Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Số điện thoại: 02439717090; Email: thauvtqt.nin@gmail.com.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Website của Viện Dinh dưỡng (để công khai);
- Lưu: VT, VTQT.

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN DINH DƯỠNG
Trần Thanh Dương

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 118 /TMBG-VDD ngày 09 tháng 5 năm 2025)

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Aceton	Dùng cho phân tích. Độ tinh khiết $\geq 99,8\%$. Cặn bay hơi $\leq 0,0005\%$, hàm lượng nước $\leq 0,05\%$. Quy cách: 1lít/ chai.	chai	1	
2	Bộ kit dùng cho chiết xơ tổng số (The Total Dietary Fiber Assay Kit)	Kít gồm: - Thermostable α -amylase (20 mL, $\sim 3,000$ U/mL; $\sim 10,000$ U/mL on soluble starch - Protease (20 mL, 50 mg/mL; ~ 350 tyrosine U/mL) - Amyloglucosidase (20 mL x 2 lọ, 3,300 U/mL on soluble starch) Quy cách: Nguyên hộp nhà sản xuất.	Bộ	1	
3	Ethanol	Dùng cho phân tích, độ tinh khiết $\geq 99,9\%$. Cặn bay hơi $\leq 0,0005\%$, hàm lượng nước $\leq 0,1\%$. Quy cách: 2,5 lít/ chai	chai	20	
4	Methanol	Dùng cho phân tích trên máy sắc ký lỏng (HPLC grade), chế độ gradient. Độ tinh khiết $\geq 99,8\%$. Cặn bay hơi $\leq 3,0$ mg/l. Hàm lượng nước $\leq 0,03\%$. Quy cách: 4 lít/ chai	chai	2	
5	Nước siêu tinh khiết (Water for chromatography)	Giá trị pH 6.0 - 8.0 (H ₂ O, 25 °C) trung tính, cặn bay hơi ≤ 5 mg/l. Quy cách: 2,5 lít/ chai	chai	6	
6	Ống chuẩn Hydrochloric acid 0.1 N	Ống chuẩn HCl 0,1 N. Nồng độ sau khi pha loãng tới 1 lít là 0,1 N, kèm giấy chứng nhận phân tích. Quy cách: ống.	ống	5	
7	Petroleum ether, nhiệt độ sôi 40-60 °C	Khoảng nhiệt độ sôi: 30-60°C. CAS: 8032-32-4. Quy cách: 500 ml/chai.	chai	11	



8	Potassium sulfate	Dùng cho phân tích. Độ tinh khiết $\geq 99\%$. Giá trị pH (5%; nước, 25 °C) 5,5 - 7,5. Quy cách: 1kg/ hộp	hộp	1	
9	Sodium hydroxide	Dùng cho phân tích. Độ tinh khiết $\geq 99\%$. pH >14 (100 g/l, H ₂ O, 20 °C). CAS 1310-73-2. Quy cách: 1kg/ hộp	hộp	9	
10	Sulfuric Acid	Dùng cho phân tích. Độ tinh khiết $\geq 98\%$. CAS: 7664-93-9. Quy cách: 1 lít/ chai	chai	6	
11	Găng tay y tế không bột talc	Không có bột talc, cỡ S, M, L, chất liệu cao su. Quy cách: 100 cái/hộp	hộp	3	
12	Giấy lọc định lượng, đường kính 11 cm	Giấy lọc định lượng, giấy được làm từ α -cellulose, hàm lượng tro nhỏ hơn 0,01%, đường kính 110 mm. Quy cách: 100 tờ/hộp.	hộp	2	
13	Giấy lọc thường	Giấy lọc vuông, kích thước 60 x 60 cm. Quy cách: tờ	tờ	5	
14	Giấy lọc tròn	Giấy lọc định tính, đường kính 110 mm. Quy cách: 100 tờ/hộp.	hộp	1	
15	Khẩu trang y tế	Khẩu trang 4 lớp, đạt tiêu chuẩn khẩu trang y tế. Quy cách: 50 cái/hộp.	hộp	3	
16	Ống ly tâm nhựa, dung tích 50 ml	Dung tích 50 ml, có nắp xoáy kín. Chất liệu nhựa PE. Chịu được hóa chất, dung môi. Nhiệt độ làm việc ổn định: -20 °C đến 121 °C. Quy cách: 25 chiếc/túi.	túi	5	

